

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HS-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trường Vũ và ông Nguyễn Thế Phương

Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Mộng Thu - Thư ký Toà án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Trần Tuyên Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số: 31/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 37/2023/QĐXXST- HS ngày 15 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn T, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp N, xã P, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn C và bà N (đã chết); vợ là MN và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: từ nhỏ đến lớn sống chung với gia đình, được đi học đến lớp 5 thì nghỉ, sinh sống bằng nghề làm thuê; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2022 cho đến nay (bị cáo có mặt).

Bị hại: Hồ Thị G, sinh năm 2008; Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: MN, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ấp N, xã P, huyện T, tỉnh An Giang (là mẹ ruột của bị hại có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1982 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung Trợ giúp pháp lý Nhà nước – Sở Tư pháp tỉnh An Giang; Địa chỉ: Số 8/18, đường Lý Thường Kiệt, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: T và V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2021, Nguyễn T (sinh năm: 1986), MN (vợ của T) và G (sinh ngày 10/4/2008, là con riêng của Ngân), cùng đến tạm trú nhà ông Võ Văn Hoành (cha ruột của MN) ngụ ấp N, xã P, huyện T, tỉnh An Giang. Tại đây, T mang điện thoại di động của G đến tiệm để sửa chữa và cho tiền G tiêu xài nên G đồng ý để T quan hệ tình dục với G. Vào các ngày 09/12/2021; 14/12/2021; 20/12/2021, tại nhà ông H, T đã 03 lần thực hiện hành vi giao cấu với G.

Đến cuối tháng 12/2021, T, Ngân, G và T cùng đến thuê ở trọ tại khu phố L, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Lợi dụng lúc MN đi làm, nhà vắng người, T đã 06 lần thực hiện hành vi giao cấu với G.

Khoảng tháng 6/2022, T, Ngân, G về nhà của T tại ấp A, xã V, thị xã TC để sinh sống. T tiếp tục 02 lần thực hiện hành vi giao cấu với G, cụ thể: Vào ngày 23/6/2022, T chở G đến căn nhà bỏ hoang tại khu vực tổ 11, khóm C, phường P, thị xã TC, tỉnh An Giang, thực hiện hành vi giao cấu với G. Đến ngày 25/6/2022, T chở G đến Nghĩa trang nhân dân thuộc ấp B, xã V, thị xã TC, T và G đi vào nhà vệ sinh, T thực hiện hành vi giao cấu với G.

Đến ngày 30/6/2022, G nói lại sự việc cho Võ Thành Tiến (cậu ruột của G) biết, đến Công an xã V trình báo sự việc.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã TC ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Riêng, Nguyễn T bỏ trốn, đến ngày 14/12/2022 đầu thú.

Lời khai bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại và người làm chứng:

Hồ Thị G, MN, Hồ T, Nguyễn Võ Thúy Vi trình bày phù hợp nội dung vụ án đã nêu.

Bị hại G còn trình bày: Vào cuối năm 2018, 2019 khi cả nhà đến thuê trọ tại huyện H, tỉnh Long An, G còn bị T, Nguyễn L và C (em ruột của T) xâm hại tình dục. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu, G không nhớ rõ địa điểm. Hiện, G có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt đối với T, không yêu cầu bồi thường.

MN, T trình bày: bà MN thường đi làm vắng nhà, không chứng kiến việc T xâm hại tình dục đối với Hồ Thị G. Khi thuê trọ ở tại khu phố L, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương, Tìn thấy G bị T xâm hại tình dục, nói lại cho MN biết sự việc.

Tại kết luận giám định pháp y số 388/22/TDTE ngày 01/7/2022 của Trung T pháp y tỉnh An Giang, kết luận:

Hồ Thị G, sinh ngày 10/04/2008, địa chỉ: ấp N, xã P, huyện T, tỉnh An Giang.

-Màng trinh: rách cũ vị trí 01 giờ, 3 giờ, 05 giờ, 09 giờ, 11 giờ.

-Tỷ lệ phân trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 00%.

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKSTC- HS ngày 17 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang đã truy tố Nguyễn T về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn T từ 05 năm đến 06 năm tù;

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh kinh tế của bị cáo có khó khăn nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Do phía bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị HĐXX không đặt ra để xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Chúng tôi thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Tại phiên tòa hôm nay phía bị hại cũng có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên chúng tôi không có ý kiến bổ sung. Chúng tôi đồng ý mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại gì đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của bị hại, Kết luận giám định, cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 12/2021, Nguyễn T, MN (vợ của T) và G (sinh ngày 10/4/2008, là con riêng của N), cùng đến tạm trú nhà ông H (cha ruột của MN) ngụ ấp N, xã P, huyện T, tỉnh An Giang. Tại đây, T mang điện thoại di động của G đến tiệm để sửa chữa và cho tiền G tiêu xài nên G đồng ý để T quan hệ tình dục với G. Vào các ngày 09/12/2021; 14/12/2021; 20/12/2021, tại nhà ông H, T đã 03 lần thực hiện hành vi giao cấu với G.

Đến cuối tháng 12/2021, T, Ngân, G và T cùng đến thuê ở trọ tại khu phố L, phường Đ, thành phố A, tỉnh Bình Dương. Lợi dụng lúc MN đi làm, nhà vắng người, T đã 06 lần thực hiện hành vi giao cấu với G.

Khoảng tháng 6/2022, T, Ngân, G về nhà của T tại ấp A, xã V, thị xã TC để sinh sống. T tiếp tục 02 lần thực hiện hành vi giao cấu với G, cụ thể: Khoảng vào ngày 23/6/2022, T chở G đến căn nhà bỏ hoang tại khu vực tổ 11, khóm Long Quới C, phường P, thị xã TC, tỉnh An Giang, thực hiện hành vi giao cấu với G. Đến ngày 25/6/2023, T chở G đến Nghĩa trang nhân dân thuộc ấp B, xã V, thị xã TC, T và G đi vào nhà vệ sinh, T thực hiện hành vi giao cấu với G.

Bị cáo Nguyễn T nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với bị hại G là người chưa đủ 16 tuổi và cháu G là con riêng của MN (là vợ của Nguyễn T). Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo Nguyễn T đã phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. có khung hình phạt tù 03 đến 10 năm (tội phạm rất nghiêm trọng).

Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội. Trong những năm gần đây, tình trạng xâm phạm tình dục đối với trẻ em xảy ra khá phổ biến, làm ảnh hưởng đến T sinh lý của bị hại, gây dư luận bức xúc trong nhân dân. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến thân thể, danh dự, nhân phẩm của trẻ em được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển bình thường về T sinh lý của bị hại. Khi phạm tội, bị cáo đủ khả năng nhận thức được hành vi giao cấu với người dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật, song do thiếu sự rèn luyện trong tư cách đạo đức, muốn thỏa mãn nhu cầu đòi hỏi về mặt sinh lý mà bị cáo đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại phiên tòa, bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Căn cứ nhân thân, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cũng như những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Các vấn đề khác: Đối với lời khai của bị hại G về những lần bị xâm hại tình dục tại huyện H, tỉnh Long An, do không xác định được địa chỉ cụ thể; Nguyễn L, C đã bỏ địa phương, chưa làm việc được; ngoài lời khai không có chứng cứ khách quan khác, Cơ quan điều tra - Công an thị xã TC đã thông báo đến Cơ quan điều tra nơi xảy ra sự việc và tiếp tục xác minh, làm rõ, sẽ xử lý sau.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn T phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/12/2022.

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo Nguyễn T; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát thị xã TC;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã TC;
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Lan